

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2024

V/v: “Yêu cầu cấp dưỡng
nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quang Vinh

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quang - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2024/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp: “Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm:1990; địa chỉ: Số A, thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Ngọc H1, sinh năm: 1970; địa chỉ: số B M, Phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt. Nguyễn Thành H2

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày, chị và anh Trần Ngọc H1 trước đây là vợ chồng. Tuy nhiên, cuộc sống chung của vợ chồng không được hạnh phúc nên chị và anh H1 đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Tại bản án số 51/2023/HNGĐ-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xử cho chị và anh H1 được ly hôn, về con chung giao con Trần Phúc A, sinh ngày 28/3/2014 cho chị có trách nhiệm

trực tiếp nuôi dưỡng, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con, do khi giải quyết ly hôn chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Không đồng ý với bản án số 51/2023/HNGĐ-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã giải quyết, anh H1 đã làm đơn kháng cáo và đề nghị được nuôi con chung là cháu Trần Phúc A. Tại bản án phúc thẩm số 22/2023/HNGĐ-PT ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã không chấp nhận kháng cáo của anh H1. Về con chung vẫn giao cháu Trần Phúc A cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Tại thời điểm giải quyết ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con là vì trong quá trình giải quyết ly hôn anh H1 hứa với con và hai bên gia đình nội, ngoại là sẽ chu cấp đầy đủ cho con nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con trong hai bản án. Tuy nhiên, từ khi ly hôn cho đến nay toàn bộ chi phí sinh hoạt hàng ngày và tiền học của con chung Trần Phúc A đều do một mình chị phải lo trang trải, anh H1 không có trách nhiệm gì với con mặc dù anh H1 có công việc và mức lương ổn định. Ngoài ra, anh H1 còn có thêm khoản thu nhập thêm từ việc cho thuê phòng trọ hàng tháng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và điều kiện tốt nhất cho con trong việc học tập và trong cuộc sống nên chị yêu cầu Tòa án xem xét buộc anh H1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Phúc A mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Trần Ngọc H1 trình bày, anh và chị H trước đây là vợ chồng nhưng anh, chị đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt năm 2023. Theo bản án số 51/2023/HNGĐ-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt và bản án số 22/2023/HNGĐ-PT ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, anh đã chấp hành về việc xin ly hôn và nuôi con. Hai bản án trên đã giao con chung của anh và chị H là cháu Trần Phúc A, sinh ngày 28/3/2014 cho chị H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Nay chị H yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Phúc A mỗi tháng 5.000.000đ thì anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì hai bản án trên đều thể hiện anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Còn nếu chị H không nuôi được cháu Trần Phúc A thì anh sẽ nhận nuôi cháu Trần Phúc A và anh cũng không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang công tác Phòng hậu cần kỹ thuật Học Viện L và có mức lương ổn định khoảng 18.000.000đ/tháng nhưng đến tháng 07/2024 anh đến tuổi nghỉ hưu theo quy định thì mức lương hưu của anh sẽ không được như thời điểm hiện tại. Ngoài mức thu nhập lương ra anh cũng có thêm khoản thu nhập từ việc cho thuê

phòng trợ với mức thu nhập 2.800.000đ/tháng nên anh có đủ điều kiện để lo cho cháu Trần Phúc A mà không cần sự cấp dưỡng của chị H.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thanh H đề nghị Tòa án xem xét buộc anh Trần Ngọc H1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Phúc A mỗi tháng 4.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Trần Ngọc H1 chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.100.000đ còn nếu chị H không có điều kiện nuôi con thì anh xin nhận nuôi con chung là Trần Phúc A và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H, buộc anh Trần Ngọc H1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Ngọc H1 xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013 do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị H, anh H1 đã làm thủ tục ly hôn. Tại bản án số 51/2023/HNGĐ-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt và bản án phúc thẩm số 22/2023/HNGĐ-PT ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã giao con chung là cháu Trần Phúc A cho chị H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Nay chị H làm đơn khởi kiện yêu cầu anh H1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên xác định quan hệ tranh chấp là: “*Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con*” theo quy định tại khoản 5 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Tại bản án sơ thẩm số 51/2023/HNGĐ-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt và bản án phúc thẩm số 22/2023/HNGĐ-PT ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã tuyên giao con chung là cháu Trần Phúc A, sinh ngày 28/3/2014 cho chị H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con, do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi ly hôn cho đến nay toàn bộ chi phí sinh hoạt hàng ngày cũng như tiền học của cháu Trần Phúc A đều do một mình chị H phải lo chi trả, anh H1 không phụ giúp

khoản tiền nào cho chị H nuôi con chung mặc dù anh H1 có công việc và mức thu nhập ổn định. Qua xác minh thì hiện nay anh H1 là Trung tá quân đội đang công tác tại Học Viện L có mức thu nhập bình quân lương 6 tháng (tháng 12/2023 - tháng 5/2024) gần đây nhất là 19.042.982đ/tháng và dự kiến từ tháng 7/2024 anh H1 nhận quyết định nghỉ chuẩn bị hưu, mức lương trung bình khoảng 17.555.450đ/tháng. Từ tháng 07/2025 anh H1 nhận quyết định nghỉ hưu, mức lương hưu hàng tháng của anh H1 là 11.430.072đ, ngoài mức thu nhập lương ra anh H1 còn có thêm khoản thu nhập từ việc cho thuê phòng phòng trọ mỗi tháng khoảng 2.800.000đ. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên trong trường hợp không sống chung với con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho con được chăm sóc, nuôi dạy tốt nhất cũng như thể hiện trách nhiệm làm cha của anh H1 đối với con chung là Trần Phúc A nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về việc yêu cầu anh H1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với mức cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa hôm nay chị H chỉ yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000đ/tháng. Xét thấy, mức cấp dưỡng trên là phù hợp với chi phí hợp lý cho việc nuôi con hiện nay cũng như mức thu nhập của anh H1 nên cần buộc anh H1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là Trần Phúc A mỗi tháng 4.000.000đ là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về án phí: Anh H1 phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H về việc: “*Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con*” đối với anh Trần Ngọc H1.

Buộc anh Trần Ngọc H1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Trần Phúc A, sinh ngày 28/3/2014 là 4.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân năm 2015.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí: Anh Trần Ngọc H1 phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(*Đã ký*)

Nguyễn Thị Thúy Ngọc